

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA THUY



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021 – 2022

KHỐI 6

Hà Nội, tháng 4 năm 2022

LỊCH KIỂM TRA CUỐI KỲ II KHỐI 6
NĂM HỌC 2021 – 2022

(Kèm theo KH số: ngày 31 tháng 3 năm 2022)

Thời gian thực hiện:

- Khối 6 bắt đầu kiểm tra học kỳ II từ ngày 09/5/2022 đến 13/5/2022

Thứ/ ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Ghi chú
Hai (9/5)	GDCD	6	2	45 phút	Môn: GDTC, GDDP, Nghệ thuật, Ngoại ngữ 2 khối 6 Giáo viên dạy sắp xếp kiểm tra theo TKB đến ngày 13/5/2022
	CN	6	3	45 phút	
Ba (10/5)	KHTN	6	3, 4	90 phút	
Tur (11/5)	Lịch sử và Địa lý	6	1, 2	45 phút	
	Tin 6	6	3	60 phút	
Năm (12/5)	Ngữ văn	6	8:00 - 9:30	90 phút	
	Anh	6	9:55 - 10:55	60 phút	
Sáu (13/5)	Toán	6	8:00 - 9:30	90 phút	

Mục lục

1. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN	1
2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIẾNG ANH	3
3. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN KHTN.....	8
4. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GDĐP	11
5. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TOÁN.....	12
6. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ.....	16
7. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN HĐTNHN	20
8. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GDTC	21
9. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN TIN HỌC	22
10. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN	25
11. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGHỆ THUẬT	28
12. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ	30
13. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGOẠI NGỮ 2	33

MÔN NGỮ VĂN

A. YÊU CẦU

1. Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản của phần Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.
2. Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc cảm thụ và tạo lập văn bản.
3. Có kĩ năng trả lời câu hỏi mạch lạc, hợp lí.
4. Có kĩ năng trình bày một văn bản, đoạn văn hoàn chỉnh.

B. NỘI DUNG

I. Phần văn bản:

1. Văn bản thuyết minh

2. Văn bản nghị luận

3. Văn bản thông tin

* Yêu cầu chung:

- Nêu được kiến thức cơ bản của các văn bản trên.
- Cảm thụ một chi tiết hay, đặc sắc.

II. Phần Tiếng Việt:

1. Lựa chọn trật tự từ .
2. Trạng ngữ.
3. Nghĩa của từ
4. Văn bản và đoạn văn.
5. Từ mượn

* Yêu cầu chung:

- Nhận xét cách sắp xếp trật tự từ trong câu.
- Tìm và nêu ý nghĩa của trạng ngữ.
- Giải thích nghĩa của từ, cụm từ

III. Phần Tập làm văn:

- Tự sự

- Thuyết minh

- Nghị luận

* Yêu cầu chung:

- Nắm được dạng bài và có kĩ năng làm bài.
- Vận dụng các kĩ năng để viết đoạn văn, bài văn

C. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO

DẠNG 1. Đọc – hiểu

Bài 1. Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

(...) *Hãy làm sao để hơn bảy tỉ đứa con đang tung hô ta là mẹ này, giúp ta trường thọ, mhw đứa con hiếu thảo giúp bà mẹ vĩ đại của mình trở lại sau bao ngày ốm đau, bệnh tật. Giúp ta luôn xứng đáng là ngôi nhà bình yên và tuyệt vời nhất cho các thế hệ kế tiếp của hàng ngàn đời sau trú ngụ*

Đừng là những đứa con hư, cướp bóc, tàn phá mẹ mình đến khánh kiệt sức lực, tàn úa vì dục vọng hư huyền, nhu cầu thái quá của mình. Hơn bảy tỉ người đều ban phát lòng yêu thương chúng sinh, wom trồng gìn giữ dù chỉ là một cây xanh trong một năm, cho một người, trong mười năm, hai mươi năm thì ngôi nhà chung, hành tinh xanh này sẽ rục rờ, lộng lẫy, đích thị là thiên đường của hạ giới không phải chạy tìm đâu xa.

Chỉ cần mỗi người gieo vào ta một niệm thiện, niệm thiện ấy bay xung quanh ta lan tỏa ra hệ mặt trời với sắc màu lung linh, tươi sáng và phủ trùm Trái Đất một hạnh phúc mênh mông.

(Bài viết thư UPU lần thứ 49 của Phùng Yến Nhi)

Câu 1. Đoạn văn trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào? Văn bản phản ánh vấn đề gì?

Câu 2. Đoạn văn trên là lời kể ai? Sử dụng ngôi kể nào? Xưng hô là gì?

Câu 3. Em hiểu nghĩa của cụm từ “*thiên đường của hạ giới*” là gì?

Câu 4. Qua phân ngữ liệu, em nhận thấy mong ước của mẹ Trái Đất là gì?

Bài 2. Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

“Lễ cúng bắt đầu bằng việc làm cây nêu. Trong lễ cúng Thần Lúa, cây nêu là biểu trưng nhiều ý nghĩa, thể hiện mối giao hòa giữa con người với thần linh, sự giao hòa của con người với con người và những ước vọng chính đáng về cuộc sống ổn định, phồn vinh. Cây nêu được làm từ cây vàng nghệ, thân buộc lá dứa. Ngọn của cây nêu có hình bông lúa lớn, phía trên gắn chùm lúa nhiều hạt và bốn tia tỏa ra bốn hướng: hai tia gắn lông chim chèo bẻo (biểu tượng cho sự mạnh mẽ, khôn ngoan); hai tia gắn lông gà (biểu tượng cho sự sung túc của gia chủ).”

Câu 1. Theo đoạn trích, các tia nắng trên ngọn cây nêu được trang trí như thế nào và mang những biểu tượng nào?

Câu 2. Trong câu văn: *“Trong lễ cúng Thần Lúa, cây nêu là biểu trưng nhiều ý nghĩa, thể hiện mối giao hòa giữa con người với thần linh, sự giao hòa của con người với con người và những ước vọng chính đáng về cuộc sống ổn định, phồn vinh...”*, bộ phận nào là trạng ngữ? Tác dụng của trạng ngữ đó là gì?

Câu 3. Quê hương em có lễ hội văn hóa gì. hãy viết khoảng ½ trang giấy giới thiệu về lễ hội đó (hoặc giới thiệu về một lễ hội mà em biết)

DẠNG 2. Tạo lập văn bản

1. Trong vai nhân vật Thạch Sanh kể lại truyện cổ tích “Thạch Sanh” từ đoạn Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông đến khi Thạch Sanh được giải oan.

2. Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề: con người cần chung tay bảo vệ hành tinh xanh.

----- **HẾT** -----

MÔN TIẾNG ANH**I. CONTENTS:**

1. Tenses: the present simple, the present continuous, the past simple, the near future, the future simple

2. Structures:

- was/were
- Modal verbs: (not) have to, must (not), should (not)
- Articles: a/an/the
- Conditional sentences type 1

3. Vocabulary related to the topics:

- A question of sport, The time machine, Talking to the world, Getting around, my dream job

4. Phonetics:

- Sounds: /aɪ/, /ɪ/, /t/, /d/, /ɪd/, /tʃ/, /ʃ/, /ei/, /a:/, /dʒ/
- Stress : 2-syllable words

II. EXERCISES:**WRITTEN TEST****A. Pronunciation**

- I. Choose the word which has underlined part is pronounced differently
- II. Choose the word which has the different stress pattern from the others.

B. Vocabulary and Grammar

- I. Choose the best answer
- II. Find out the mistake

C. Reading

- I. Read the passage and choose the best answer
- II. Read the passage and choose the correct answer for the following questions

D. Writing

- I. Choose the sentence which has the same meaning as the original sentence
- II. Choose the correct sentence from the words/ phrases given
- III. Choose the correct sentence with the correct order of the words

SPEAKING TEST

- Topic 1. Talk about your favorite sport
 Topic 2. Talk about a past event that you are impressive
 Topic 3. Talk about the ways to improve your English
 Topic 4. Talk about the best holiday that you have ever had
 Topic 5. Talk about your dream job

REVISION FOR THE SECOND TERM TEST**A. Pronunciation**

I. Choose the word which has underlined part is pronounced differently

- | | | | | |
|----|---------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| 1. | A. magaz <u>ine</u> | B. s <u>id</u> e | C. h <u>id</u> e | D. h <u>igh</u> |
| 2. | A. test <u>ed</u> | B. clapp <u>ed</u> | C. plant <u>ed</u> | D. demand <u>ed</u> |
| 3. | A. s <u>ure</u> | B. s <u>tupid</u> | C. s <u>pring</u> | D. s <u>end</u> |
| 4. | A. Russ <u>ia</u> | B. class <u>ss</u> | C. glass <u>ss</u> | D. pass <u>ss</u> |

5. A. anything B. capital C. manjo D. progam

II. Choose the word which has a different stress pattern from the others.

6. A. money B. machine C. many D. mother
 7. A. borrow B. agree C. await D. prepare
 8. A. paper B. police C. people D. purpose

B. Vocabulary and Grammar

I. Choose the best answer

9. My dad is a and he writes articles for magazines and newspapers.
 A. doctor B. journalist C. mechanic D. astronaut
 10. A big place where people can leave their cars
 A. car park B. bike lane C. bus stop D. station
 11. What ... you ... (do) if you (not go) away for the weekend?
 A. would you do - don't go C. do you do - don't go
 B. do you do - not go D. will you do - don't go
 12. Going to London train is faster.
 A. in B. on C. by D. at
 13. My cousin speaks Italian because he lived in Italy when he was younger.
 A. fluently B. fluent C. good D. interesting
 14. Before posting something on the Internet, you think about how it may make people feel.
 A. should B. can't C. shouldn't D. mustn't
 15. We went to Paris last month and we stayed at hotel. hotel had swimming pool and two coffee shops.
 A. a - the - a B. a - a - a C. a - the - the D. the - the - a
 16. My is the same as yours. Every time your phone rings, I think it's mine.
 A. charge B. ringtone C. mp3 player D. webcam
 17. Facebook is my favourite site.
 A. social networking B. network C. social D. website
 18. Do you jogging every morning?
 A. go B. do C. play D. make
 19. David will leave for Hanoi tomorrow if the weather (be) fine
 A. be B. is C. are D. were
 20. Amy lost her homework, she looked it for an hour.
 A. up B. after C. for D. at

II. Find out the mistake

21. **The** food **was** delicious, but **most** things **didn't** heap.
 A. The B. was C. most D. didn't
 22. Bob **drove** a **new** car yesterday. **A car** is **black**.
 A. drove B. new C. A car D. black
 23. Did your uncle took you to watch the football match last week?
 A. Did B. took C. to watch D. football match
 24. What **sports** do **you do**? I **go** a lot **of** judo.
 A. sports B. you do C. go D. of
 25. **Children** shouldn't **chatting** with **strangers** on social **networking** sites.
 A. Children B. chatting C. strangers D. networking sites

C. Reading

I. Read the passage and choose the best answer

Our future house will be on the ocean. It will be surrounded by tall trees and blue sea but we only have salt water in the ocean. We need fresh water for (26) (drink/ drinking/ to drink/ to drinking) and for growing food (27) (in/ on/ at/ into) farms.

Ocean water is too salty (28) (drink/ drinking/ to drink/ to drinking). It is also too salty for watering plants. We must have the (29) (things/ suggestions/ ways/ ideas) to make fresh water from salty water. We should be (30) (careful/ careless/ carefully/ carelessly) not to waste water.

26. A. drink B. drinking C. to drink D. to drinking
27. A. in B. on C. at D. into
28. A. drink B. drinking C. to drink D. to drinking
29. A. things B. suggestions C. ways D. ideas
30. A. careful B. careless C. carefully D. carelessly

II. Read the passage and choose the correct answer for the following questions

Millions of people play games for fun. However, there are professional gamers. They practise for ten or more hours a day, five or six days a week. They earn money by playing competitive computer games, or e-sports!

Then, are e-sports really sports? Some say no. E-sports players don't need to run, jump, throw or do big physical actions. At the moment, the UK government classifies e-sports as kinds of games, not as sports. But others say yes: e-sports are sports. Players do need some physical skills, especially hand-eye coordination, quick reaction. They also need to be accurate and good at timing. In fact, the governments of China and South Korea classify e-sports as sports, and they will be an official medal sport in the Asian Games starting from 2022.

How about you? Do you think e-sports are real sports?

31. What is TRUE about professional gamers?
- A. They play games for fun.
B. Playing games is their job.
C. They compete with computers.
32. How often do professional gamers practise?
- A. eight to ten hours a day
B. five or six days a week
C. once a month
33. Why do some people think e-sports are not sports?
- A. Because e-sports players are not physically strong.
B. Because the government says that e-sports are games.
C. Because e-sports don't require much body movement.
34. What skill does an e-sports player need?
- A. Throwing a dart accurately.
B. Being good at timing.
C. Running fast.
35. Which country classify e-sports as real sports?
- A. South Korea.
B. The UK.
C. Germany.

D. Writing**I. Choose the sentence which has the same meaning as the original sentence**

36. I'm really fond of animals. I'd like to be a vet in the future.

A. I'm not interested in animals. I'd like to be a vet in the future.

B. I am keen on animals, I want to be a nurse.

C. I like animals, I want to be a vet in the future.

D. In the future, I want to be a doctor so I love animals.

37. She is tired. She is going to sleep early.

A. Because she is tired, she is going to sleep early.

B. She is going to sleep early so she is tired.

C. Because she is going to sleep early, she is tired.

D. She is tired but she is going to sleep early.

38. Don't talk during the exam!

A. You don't have to talk during the exam.

B. You mustn't talk during the exam.

C. You have to talk during the exam.

D. You should talk during the exam.

39. The tennis courts were very busy. We went swimming.

A. The tennis courts were very busy but we went swimming.

B. Because we went swimming, the tennis courts were very busy.

C. The tennis courts were very busy so we didn't play tennis.

D. The tennis courts were very busy so we went swimming.

40. Stop talking or you won't understand the lesson

A. If you stop talking, you will not understand the lesson.

B. If you don't stop talking, you will not understand the lesson.

C. If you stop talking, you won't understand the lesson.

D. If you stop talking, you understand the lesson.

II. Choose the correct sentence from the words/ phrases given

41. I / eat / the meat/ but / I / not eat / vegetables /.

A. I eat the meat but I don't eat the vegetables.

B. I eat the meat but I not eat the vegetables.

C. I will eat meat but I will don't eat the vegetables.

D. I eat the meat but I won't eating the vegetables.

42. I / a conversation/ my dad / films / .

A. I am having a conversation with my dad about films.

B. I am have a conversation with my dad with the film.

C. I am taking a conversation with my dad about films

D. I am getting a conversation with my dad in films

43. We / should / not / talk / strangers / online / .

A. We should not talking with strangers online.

B. We should not talking about strangers online.

C. We should not talk to strangers online.

D. We should not to talk with strangers online.

44. Mike and Sue / leave / next week / ?

A. Will Mike and Sue leaving next week?

B. Is Mike and Sue leaving next week?

C. Are Mike and Sue going to leave next week?

D. Do Mike and Sue leave next week?

45. If / we/ leave/ now/ we/ be back / home / 8 p.m/ .

- A. If we leave now, we are back at home at 8 p.m.
- B. If we are going to leave you, we be back home at 8 p.m.
- C. If we leave now, we will be back home at 8 p.m.
- D. If we will leave now, we are back home at 8 p/m

III. Choose the correct sentence with the correct order of the words

46. Look / time! / we / at / will / the / be / late / definitely / .

- A. We will look at the time! Be late definitely.
- B. Be late the time! We will definitely look at.
- C. Look at the time! We will definitely be late.
- D. Look at we the time! Definitely will be late.

47. what / you / mean / know / I / do / ?

- A. You know what do I mean?
- B. You mean what I do know?
- C. Do you know what I mean?
- D. Do I know what mean you?

48. lot / I'm / going / not / a / the / at / restaurant / to / eat / .

- A. I'm going to a lot the restaurant to eat at.
- B. A lot the restaurant I'm not going to eat at.
- C. I'm not going to eat a lot at the restaurant.
- D. At the restaurant I'm not going to eat a lot.

49. half / he / hour / ago / arrived / an

- A. Half ago an hour he arrived.
- B. He arrived half an hour ago.
- C. He half hour an arrived ago.
- D. An hour ago he half arrived

50. wouldn't / uniform / like / a / I / wear / to / .

- A. I like wouldn't to wear a uniform.
- B. I wouldn't like to wear a uniform.
- C. I wouldn't like a uniform to wear.
- D. I like a uniform wouldn't wear.

THE END

MÔN KHTN**A. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

Kiểm tra và đánh giá nắm kiến thức của HS về lực và tác dụng lực, lực tiếp xúc, lực không tiếp xúc, lực ma sát, lực hấp dẫn, các dạng năng lượng và sự chuyển hóa năng lượng.

2. Kỹ năng

Kiểm tra đánh giá kỹ năng trình bày của học sinh, kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài tập và giải thích các hiện tượng liên quan trong thực tế.

3. Thái độ

Có thái độ nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Năng lực sáng tạo.
- Năng lực tính toán.
- Năng lực thực nghiệm: năng lực đánh giá kết quả và giải quyết vấn đề.

B. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 26: Lực và tác dụng lực

Bài 27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc

Bài 28: Lực ma sát

Bài 29: Lực hấp dẫn

Bài 30: Các dạng năng lượng

Bài 31: Sự chuyển hóa năng lượng

C. NỘI DUNG ÔN TẬP**I. Lý thuyết:**

1. Lực là gì? Lực tác dụng lên vật có thể gây ra những kết quả gì cho vật? Đơn vị đo của lực là gì? Để đo lực ta dùng dụng cụ nào? Nêu cách biểu diễn lực?
2. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc xuất hiện khi nào?
3. Khi nào xuất hiện lực ma sát trượt, ma sát nghỉ? So sánh lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong nước và trong không khí?
4. Khối lượng là gì? Phân biệt lực hấp dẫn và trọng lượng? Đơn vị của khối lượng, trọng lượng? Nêu mối liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng? Nêu mối liên hệ giữa độ giãn của lò xo và khối lượng của vật được treo vào lò xo?
5. Kể tên các dạng năng lượng mà em đã học? Lấy VD về mỗi dạng năng lượng mà em kể? Lấy ví dụ chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực?
6. Nêu nội dung định luật bảo toàn năng lượng? Lấy ví dụ chứng tỏ sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác và chỉ rõ thành phần hao phí trong sự chuyển hóa đó?

II. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:**1. Bài tập trắc nghiệm:**

a. Xem lại bài tập trắc nghiệm từ bài 26 đến bài 31 Sách bài tập KHTN6

b. Câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1: Hoạt động nào dưới đây không cần dùng đến lực?

- A. Đọc một trang sách
- B. Kéo một gàu nước
- C. Nâng một tấm gỗ
- D. Đẩy một chiếc xe

Câu 2: Khi có một lực tác dụng lên quả bóng đang chuyển động trên sân thì quả bóng sẽ:

- A. biến đổi chuyển động
- B. biến dạng

C. vừa biến đổi chuyển động vừa biến dạng

D. đứng yên

Câu 3: Phát biểu nào SAI?

A. Lực có thể làm cho vật thay đổi vận tốc và bị biến dạng

B. Lực là nguyên nhân làm cho vật chuyển động

C. Lực là nguyên nhân làm thay đổi vận tốc của chuyển động

D. Lực là nguyên nhân làm cho vật bị biến dạng

Câu 4: Buộc một khối gỗ lên giá đỡ bằng một sợi dây cao su. Dấu hiệu nào chứng tỏ khối gỗ đã tác dụng lên sợi dây cao su một lực?

A. Khối gỗ không rơi

B. Khối gỗ không bị biến dạng

C. Dây cao su dãn ra

D. Khối gỗ bị biến dạng

Câu 5: Em hãy xác định vật gây ra lực trong hoạt động nâng tạ lên cao?

A. Quả tạ

B. Lòng bàn tay tiếp xúc quả tạ

C. Bàn chân

D. Cánh tay

Câu 6: Em hãy xác định vật chịu tác dụng trực tiếp của lực trong hoạt động giáo viên cầm phấn viết bài?

A. Giáo viên

B. Viên phấn

C. Bảng

D. Bàn tay giáo viên

Câu 7: Hoạt động nào xuất hiện lực không tiếp xúc?

A. An đóng đinh vào tường

B. Trái táo rơi xuống đất

C. Lan dùng tay bẻ viên phấn

D. Nhân viên đẩy thùng hàng vào kho

Câu 8: Vật nào có tính chất đàn hồi?

A. Thỏi đất sét

B. Viên sỏi

C. Sợi dây đồng

D. Sợi dây cao su

Câu 9: Trường hợp nào ma sát có hại?

A. Đi trên sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã

B. Xe ô tô bị lầy trong cát

C. Bôi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị

D. Giày đi nhiều, đế bị mòn

Câu 10: Vì sao các vận động viên đua xe đạp thường cúi khom thân người xuống gần như song song với mặt đường?

A. Tăng lực cản của không khí

B. Giảm lực cản của không khí

C. Tăng lực ma sát giữa bánh xe và mặt đường

D. Giảm lực ma sát giữa bánh xe và mặt đường

Câu 11: Một khối gỗ có khối lượng là 5kg thì trọng lượng của khối gỗ là:

A. 5N

B. 10N

C. 50N

D. 0,5N

Câu 12: Hiện tượng nào là kết quả tác dụng của lực hấp dẫn của Trái Đất?

- A. Quả bưởi rụng trên cây xuống
- B. Hai nam châm hút nhau
- C. Đẩy chiếc tủ gỗ chuyển động trên sàn nhà
- D. Căng buồm để thuyền chạy trên mặt nước nhanh hơn.

Câu 13: Trên vỏ hộp sữa có ghi 450g. Số đó cho biết điều gì?

- A. Khối lượng của sữa chứa trong hộp
- B. Trọng lượng của sữa chứa trong hộp
- C. Khối lượng của cả hộp sữa
- D. Trọng lượng của cả hộp sữa

Câu 14: Quả táo ở trên cây có năng lượng thuộc dạng nào?

- A. Thế năng đàn hồi
- B. Thế năng hấp dẫn
- C. Năng lượng hóa học
- D. Năng lượng âm thanh

Câu 15: Khi quạt điện hoạt động đã có sự chuyển hóa năng lượng từ:

- A. cơ năng thành điện năng
- B. điện năng thành hóa năng
- C. nhiệt năng thành điện năng
- D. điện năng thành cơ năng

2. Bài tập tự luận

a. Làm các bài sách Bài tập KHTN6: 26.5; 28.1; 28.2; 28.3; 28.4; 28.5; 30.12; 30.14

b. Tham khảo thêm một số dạng bài tập:

Bài 1: Biểu diễn các lực sau:

- a. Lực kéo tác dụng lên khối gỗ có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 20N.
- b. Lực hấp dẫn 10N tác dụng lên viên gạch đặt trên mặt đất.

Bài 2: Các trường hợp sau có sự chuyển hóa năng lượng từ dạng nào sang dạng nào? Nêu rõ năng lượng có ích và năng lượng hao phí trong từng trường hợp?

- a. Thả một viên bi từ tầng 2 của tòa nhà xuống đất.
- b. Quạt điện đang quay.

Bài 3. Vì sao lốp xe đạp, xe máy, ô tô thường có khía rãnh?



Bài 4: Vì sao đế giày thể thao của các cầu thủ đá bóng thường có nhiều đinh nhọn?



----- HẾT -----

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT****1. Kiến thức:**

- Học sinh nắm được những nét chung và nổi bật của phường Gia Thụy, di tích trên địa bàn phường Gia Thụy.
- Học sinh nắm được những di tích lịch sử của Hà Nội

2. Kỹ năng:

- Biết sắp xếp hợp lý bố cục bài hợp lí.
- Biết lựa chọn, sắp xếp các ý hợp lí, nêu được quan điểm, cảm xúc của mình.

3. Thái độ:

Học sinh biết phát huy, giữ gìn di tích lịch sử.

4. Phát triển năng lực:

Năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, ...

II. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

- Ôn tập trên lớp, tại nhà.

III. BÀI TẬP THAM KHẢO:

1. Giới thiệu về vị trí, đặc điểm phường Gia Thụy.
2. Kể tên các di tích lịch sử thuộc phường Gia Thụy và Hà Nội.
3. Giới thiệu một di tích lịch sử ở Hà Nội mà em biết.

----- **HẾT** -----

MÔN TOÁN

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Kiến thức:

* Số học:

- Ôn tập các kiến thức về mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Ôn tập các kiến thức về xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản.
- Ôn tập các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số, số thập phân.
- Ôn tập các tính chất của phép cộng và phép nhân phân số, số thập phân.
- Ôn tập quy tắc ước lượng và làm tròn số.
- Ôn tập các kiến thức về tỉ số, tỉ số phần trăm.
- Ôn tập các bài toán đố có nội dung thực tế trong đó trọng tâm là hai bài toán cơ bản về phân số.

* Hình học:

- Ôn tập các kiến thức về điểm, đường thẳng. Hai đường thẳng cắt nhau, hai đường thẳng song song.
- Ôn tập các kiến thức về đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, tia, góc.
- Ôn tập về các loại góc: góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.

2. Kỹ năng:

- Thực hiện các phép tính, tính nhanh chính xác.
- Khả năng so sánh, tổng hợp của học sinh

3. Thái độ:

Giáo dục tính chủ động, tự giác, tích cực.

4. Phát triển năng lực: Giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, thực hành hợp tác

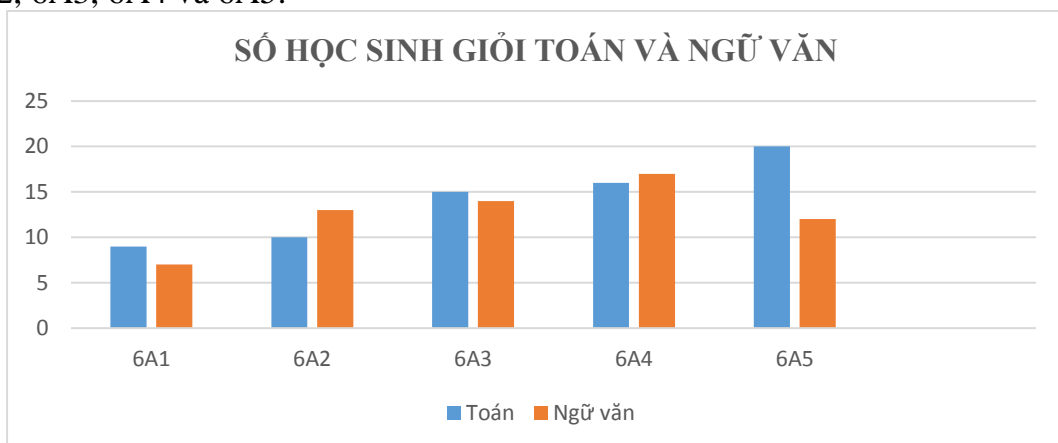
II. PHẠM VI ÔN TẬP: Nội dung kiến thức học kỳ II

III. MỘT SỐ BÀI TẬP CỤ THỂ

A. SỐ HỌC:

Dạng 1: Một số yếu tố thống kê và xác suất.

Bài 1: Biểu đồ kép dưới đây biểu diễn số học sinh giỏi hai môn Toán và Ngữ văn của các lớp 6A1, 6A2, 6A3, 6A4 và 6A5:



- Nêu đối tượng thống kê và tiêu chí thống kê.
 - Số học sinh giỏi Toán của lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?
 - Số học sinh giỏi Ngữ văn của lớp nào nhiều nhất? Ít nhất?
 - Số học sinh giỏi Toán của lớp 6A5 chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng số học sinh giỏi Toán của cả 5 lớp?
 - Bạn Hà nói lớp 6A4 có số là 34 học sinh. Theo em, bạn Hà nói đúng không? Vì sao?
- Bài 2: Gieo một con xúc xắc 10 lần liên tiếp, bạn Hùng được kết quả như sau:

LẦN	KẾT QUẢ GIEO
1	Xuất hiện mặt 2 chấm
2	Xuất hiện mặt 5 chấm
3	Xuất hiện mặt 2 chấm
4	Xuất hiện mặt 1 chấm
5	Xuất hiện mặt 4 chấm
6	Xuất hiện mặt 4 chấm
7	Xuất hiện mặt 6 chấm
8	Xuất hiện mặt 1 chấm
9	Xuất hiện mặt 5 chấm
10	Xuất hiện mặt 5 chấm

- Lập bảng thống kê kết quả gieo nhận được.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 1 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 2 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 3 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 4 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 5 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt 6 chấm.
- Tính xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt có số chấm nhỏ hơn 5.

Dạng 2: So sánh phân số:

1) $\frac{-2}{5}$ và $\frac{-3}{4}$

2) $\frac{-4}{7}$ và $\frac{17}{-21}$

3) $\frac{19}{-38}$ và $\frac{-24}{96}$

4) $\frac{78}{-39}$ và $\frac{77}{-39}$

5) $\frac{-7}{18}$ và $\frac{5}{-18}$

6) $\frac{-33}{-44}$ và $\frac{-42}{-56}$

Dạng 3: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

Bài 1:

1) $\frac{-5}{2} : \left(\frac{3}{4} - \frac{1}{2} \right)$

4) $75\% - 1\frac{1}{2} - 0,5 : \frac{5}{12}$

7) $-\frac{1}{2} \cdot \frac{7}{13} - \frac{1}{2} \cdot \frac{9}{13} + \frac{1}{2} \cdot \frac{3}{13}$

2) $\left(2 + \frac{5}{6} \right) \cdot 1\frac{1}{5} + \frac{-16}{15}$

5) $15\frac{3}{13} - \left(3\frac{4}{7} + 8\frac{3}{13} \right)$

8) $-35\frac{1}{13} \cdot \left(\frac{2}{5} \right)^2 - \left(\frac{2}{5} \right)^2 \cdot 14\frac{12}{13}$

3) $\frac{2}{5} + \frac{3}{5} : \left(\frac{3}{5} + \frac{-2}{3} \right) - 3\frac{1}{2}$

6) $\frac{-5}{7} \cdot \frac{2}{11} + \frac{-5}{7} \cdot \frac{9}{11} + 1\frac{5}{7}$

9) $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{2}{15} : \frac{1}{5} + \frac{3}{5} \cdot \frac{1}{3}$

10) $E = \frac{4}{2.4} + \frac{4}{4.6} + \frac{4}{6.8} + \dots + \frac{4}{2018.2020}$

11) $F = \frac{1}{18} + \frac{1}{54} + \frac{1}{108} + \dots + \frac{1}{990}$

Bài 2:

1) $60,7 + 25,5 - 38,7$

6) $4,35 - (2,67 - 1,65) + (3,54 - 6,33)$

2) $(-9,207) + 3,8 + (-1,5030) - 2,8$

7) $(-0,4) \cdot (-0,5) \cdot (-0,8)$

3) $(-12,5) + 17,55 + (-3,5) - (-2,45)$

8) $(-1,6) \cdot (-0,125) \cdot (-0,5)$

4) $2,07 + (-7,36) - (-8,97) + 1,03 - 7,64$

9) $3,58 \cdot 24,45 + 3,58 \cdot 75,55$

5) $(2,07 + 3,005) - (12,005 - 4,23)$

10) $3,4 \cdot (-23,68) - 3,4 \cdot 45,12 + (-31,2) \cdot 3,4$

Dạng 4: Tìm x:

1) $3\frac{1}{2} - \frac{1}{2}x = \frac{2}{3}$

4) $\frac{-2}{3} - \frac{1}{3}(2x - 5) = \frac{3}{2}$

7) $\frac{1}{3}x + \frac{2}{5}(x - 1) = 0$

2) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} : x = \frac{3}{5}$

5) $\left(2\frac{4}{5}x - 50\right) : \frac{2}{3} = 51$

8) $\left(\frac{1}{2} + 2x\right)(2x - 3) = 0$

3) $\frac{1}{4} + \frac{1}{3} : (2x - 1) = -1$

6) $\left(2x + \frac{3}{5}\right)^2 - \frac{9}{25} = 0$

9) $3 \cdot \left(3x - \frac{1}{2}\right)^3 + \frac{1}{9} = 0$

Dạng 5: Bài toán có lời văn

Bài 1. Bạn Nam đọc một cuốn sách dày 200 trang trong 3 ngày. Ngày thứ nhất bạn đọc được $\frac{1}{5}$ số trang sách. Ngày thứ hai bạn đọc được $\frac{1}{4}$ số trang còn lại. Hỏi:

- Mỗi ngày bạn Nam đọc được bao nhiêu trang sách?
- Tính tỉ số số trang sách trong ngày 1 và ngày 3
- Số trang bạn đọc trong ngày 1 chiếm bao nhiêu % số trang của cuốn sách.

Bài 2. Một lớp có 45 học sinh gồm 3 loại học lực: giỏi, khá, trung bình. Số học sinh trung bình chiếm $\frac{2}{9}$ số học sinh cả lớp, số học sinh khá bằng 60% số học sinh còn lại.

- Tính số học sinh mỗi loại
- Tính tỉ số giữa số học sinh giỏi và học sinh trung bình.
- Số học sinh giỏi bằng bao nhiêu phần trăm học sinh khá?

Bài 3. Một cửa hàng bán gạo bán hết số gạo của mình trong 3 ngày. Ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{5}$

số gạo của cửa hàng. Ngày thứ hai bán được $\frac{2}{3}$ số gạo còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 200 kg.

- Ban đầu cửa hàng có bao nhiêu tấn gạo?
- Tính số gạo mà cửa hàng bán được trong ngày thứ 1; ngày thứ 2.
- Tính tỉ số số gạo cửa hàng bán được trong ngày 2 và ngày 1.
- Số gạo cửa hàng bán được trong ngày 1 chiếm bao nhiêu % số gạo của cửa hàng?

Bài 4. Một bể nước hình chữ nhật có chiều cao 1,6 m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều cao, chiều dài bằng 150% chiều rộng. Tính thể tích của bể.

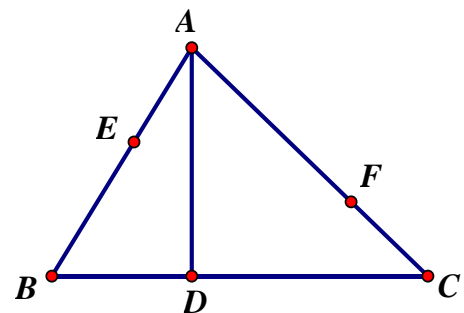
B. HÌNH HỌC:

Bài 1: Cho điểm M thuộc đường thẳng xy. Lấy hai điểm A, N thuộc tia Mx sao cho điểm A nằm giữa hai điểm M và N.

- Kẻ tên các tia có trong hình vẽ.
- Kẻ tên các cặp tia đối nhau trong hình vẽ.
(Các tia trùng nhau chỉ tính một lần)

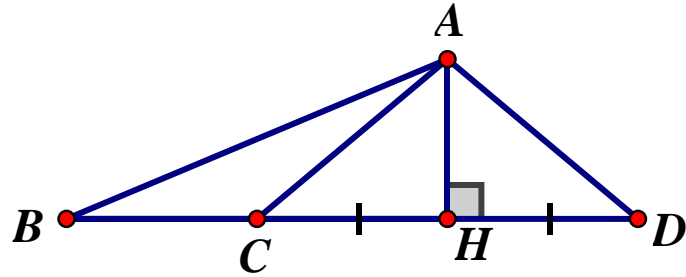
Bài 2: Quan sát hình bên và cho biết:

- Có những bộ ba điểm thẳng hàng nào? Điểm D nằm giữa hai điểm nào?
- Kẻ tên 2 bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Hãy vẽ điểm K sao cho K là điểm vừa nằm giữa hai điểm A và D, vừa nằm giữa hai điểm B và F.
- Hãy vẽ điểm H sao cho các bộ ba điểm E, F, H và B, C, H đều là các bộ ba điểm thẳng hàng.



Bài 3: Cho hình vẽ. Đo góc để trả lời các câu hỏi sau:

- \widehat{ACD} và \widehat{ADC} có bằng nhau không?
- Kể tên các góc vuông, góc bẹt có trên hình vẽ.
- \widehat{BAD} là loại góc gì? (nhọn, vuông hay tù)
- So sánh \widehat{ABD} và \widehat{ADB} .



Bài 4: Vẽ đoạn thẳng $AB = 9\text{cm}$. Lấy điểm C thuộc đoạn thẳng AB sao cho $AC = 6\text{cm}$. Lấy điểm N nằm giữa A và C sao cho C là trung điểm của đoạn thẳng BN .

- Tính CB và BN .
- Chứng tỏ N là trung điểm của đoạn thẳng AC .

Bài 5: Vẽ hai tia Ox và Oy đối nhau. Lấy điểm A thuộc tia Ox , điểm B thuộc tia Oy sao cho $OA = 3\text{cm}$, $AB = 6\text{cm}$.

- Chứng tỏ O là trung điểm của AB .
- Vẽ điểm M là trung điểm của đoạn OB . Tính độ dài đoạn thẳng AM .

Bài 6: Cho 30 điểm phân biệt, trong đó có đúng 6 điểm thẳng hàng, ngoài ra không có ba điểm nào khác thẳng hàng. Cứ qua 2 điểm vẽ được một đường thẳng. Hỏi, từ 30 điểm đó vẽ được tất cả bao nhiêu đường thẳng?

Bài 7: Cho đoạn thẳng AB . Lấy M_1 là trung điểm của đoạn AB , M_2 là trung điểm của đoạn AM_1 ; M_3 là trung điểm của đoạn AM_2 ; M_4 là trung điểm của đoạn AM_3 ;...; M_{10} là trung điểm của đoạn AM_9 . Biết đoạn $AM_{10} = 1\text{cm}$. Tính độ dài đoạn AB ?

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1. Chứng tỏ các phân số sau là các phân số tối giản: $a) A = \frac{12n+1}{30n+2}$ $b) B = \frac{14n+17}{21n+25}$

Bài 2.

a) Cho $A = \frac{1}{2^2} + \frac{1}{3^2} + \frac{1}{4^2} + \dots + \frac{1}{9^2}$. Chứng minh $\frac{2}{5} < A < \frac{8}{9}$

b) Cho $B = \frac{1}{6} + \frac{1}{7} + \frac{1}{8} + \dots + \frac{1}{18} + \frac{1}{19}$. Chứng tỏ $B < 2$.

Bài 3. Tìm x nguyên để các biểu thức sau đạt giá trị nhỏ nhất:

$$a) A = (x-1)^2 + 2008 \quad b) B = (2x-3)^2 + 20,22$$

Bài 4. Cho 10 điểm $A, B, C, D, E, F, G, H, K, Q$ thuộc đường thẳng d và một điểm O nằm ngoài đường thẳng d . Hãy tính số tam giác nhận 3 trong 11 điểm đó làm đỉnh.

----- HẾT -----

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 (PHÂN MÔN LỊCH SỬ)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

Nhằm kiểm tra những kiến thức:

- Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt.
- Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X.
- Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.

2. Kỹ năng

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đánh giá kiến thức, kĩ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao của học sinh sau khi học các nội dung.

3. Thái độ

Giúp học sinh có thái độ học tập nghiêm túc và trung thực, đúng đắn trong kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Tái hiện sự kiện, hiện tượng lịch sử.
- Nhận xét đánh giá, rút ra bài học từ những sự kiện, hiện tượng, vấn đề lịch sử
- Vận dụng, liên hệ kiến thức lịch sử.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 17. Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt.

Bài 18. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X.

Bài 19. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:****B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:****I. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1: Văn hóa ở nước ta dưới thời kì Bắc thuộc có đặc điểm gì nổi bật?

- A. Văn hóa Hán không ảnh hưởng nhiều đến văn hóa nước ta.
- B. Nhân dân ta tiếp thu những yếu tố tích cực của văn hóa Trung Quốc.
- C. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa để phát triển văn hóa dân tộc.
- D. Bảo tồn phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc.

Câu 2: Tôn giáo nào không được các triều đại phong kiến phương Bắc truyền vào nước ta?

- A. Phật giáo.
- B. Nho giáo.
- C. Thiên Chúa giáo.
- D. Đạo giáo.

Câu 3: Năm 938, quân Nam Hán từ Quảng Đông theo đường biển ồ ạt kéo sang xâm lược Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của chủ tướng

- A. Thoát Hoan.
- B. Lưu Hoàng Tháo
- C. Sầm Nghi Đống.
- D. Ô Mã Nhi.

Câu 4: Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là

- A. thủ công nghiệp.
- B. thương nghiệp.
- C. nông nghiệp trồng lúa nước.
- D. công thương nghiệp hàng hóa.

Câu 5: Chữ viết của người Chăm có nguồn gốc từ đâu?

- A. Chữ tượng hình.
- B. Chữ Phạn.
- C. Chữ Hán.
- D. Chữ Latinh.

Câu 6: Kinh đô của nước Chăm-pa đóng ở

- A. Sa Huỳnh - Quảng Nam. B. Trà Kiệu - Quảng Nam.
C. Hội An - Quảng Nam. D. Thượng Lâm - Quảng Nam.

Câu 7: Vương quốc Chăm-pa hình thành trên cơ sở của nền văn hóa

- A. Óc Eo. B. Sa Huỳnh. C. Đông Sơn. D. Hòa Bình.

Câu 8: Vương quốc Chăm pa được hình thành vào thời gian nào?

- A. Đầu Công nguyên B. Thế kỉ VII TCN
C. Cuối thế kỉ II TCN D. Thế kỉ II

Câu 9: Dưới thời Hán, huyện Tượng Lâm thuộc quận nào?

- A. Giao Chi B. Cửu Chân.
C. Nhật Nam. D. Giao Châu.

Câu 10: Xã hội Chăm-pa có sự phân chia giàu, nghèo với mấy tầng lớp chính?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Kể tên những phong tục của người Việt thời Bắc thuộc? Theo em, những phong tục nào vẫn còn duy trì đến ngày nay?

Câu 2:

- a) Trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938 diễn ra như thế nào?
b) Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền chủ động và độc đáo ở điểm nào?
c) Vì sao nói: chiến thắng Bạch Đằng năm 938 được coi là bước ngoặt lớn của lịch sử dân tộc?

Câu 3: Trình bày nét chính về hoạt động kinh tế và thành tựu văn hóa của Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X?

----- **HẾT** -----

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6 (PHÂN MÔN ĐỊA LÝ)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Nhằm kiểm tra những kiến thức:
- + Sông hồ, nước ngầm và băng hà
- + Biển và đại dương
- + Lớp đất trên Trái Đất

2. Kỹ năng

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh phương pháp dạy và học.
- Đánh giá kiến thức, kỹ năng ở 4 mức độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao của học sinh sau khi học các nội dung.

3. Thái độ

Giúp học sinh có thái độ học tập nghiêm túc và trung thực, đúng đắn trong kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề.
- Đọc, nhận xét biểu đồ, sơ đồ sách giáo khoa

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Bài 20. Sông hồ, nước ngầm và băng hà

Bài 21. Biển và đại dương

Bài 22. Lớp đất trên Trái Đất

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:****B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:****I. Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1. Lưu vực của một con sông là

- A. vùng đất đai đầu nguồn của các con sông nhỏ.
- B. diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên.
- C. chiều dài từ thượng nguồn đến các cửa sông.
- D. vùng hạ lưu của con sông và bồi tụ đồng bằng.

Câu 2. Mực nước ngầm phụ thuộc vào các yếu tố nào dưới đây?

- A. Nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi.
- B. Độ cao địa hình, bề mặt các dạng địa hình.
- C. Các hoạt động sản xuất của con người.
- D. Vị trí trên mặt đất và hướng của địa hình.

Câu 3. Ở vùng đất đá thấm nước, nguồn nước nào sau đây có vai trò đáng kể trong việc điều hòa chế độ nước sông?

- A. Hơi nước.
- B. Nước ngầm.
- C. Nước hồ.
- D. Nước mưa.

Câu 4. Cửa sông là nơi dòng sông chính

- A. xuất phát chảy ra biển.
- B. tiếp nhận các sông nhánh.
- C. đổ ra biển hoặc các hồ.
- D. phân nước cho sông phụ.

Câu 5. Trên thế giới **không** có đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương.
- B. Thái Bình Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Châu Nam Cực.

Câu 6. Hình thức dao động tại chỗ của nước biển và đại dương gọi là

A. sóng biển.

B. dòng biển.

C. thủy triều.

D. triều cường.

Câu 7. Sức hút của Mặt Trời và Mặt Trăng là nguyên nhân chủ yếu hình thành hiện tượng tự nhiên nào sau đây?

A. Dòng biển.

B. Sóng ngầm.

C. Sóng biển.

D. Thủy triều.

Câu 8. Nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng trong đất là

A. khí hậu.

B. địa hình.

C. đá mẹ.

D. sinh vật.

Câu 9. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với thành phần hữu cơ trong đất?

A. Thành phần quan trọng nhất của đất.

B. Chiếm một tỉ lệ nhỏ trong lớp đất.

C. Đá mẹ là sinh ra thành phần hữu cơ.

D. Thường ở tầng trên cùng của đất.

Câu 10. Thành phần hữu cơ của lớp đất có đặc điểm nào sau đây?

A. Chiếm một tỉ lệ lớn trong lớp đất.

B. Thành phần quan trọng nhất của đất.

C. Tồn tại ở giữa các khe hở của đất.

D. Nằm ở tầng dưới cùng của lớp đất.

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Em hãy cho biết nước sông hồ có vai trò gì đối với đời sống và sản xuất?

Câu 2: Phân biệt ba dạng vận động của nước biển và đại dương: sóng, thủy triều và dòng biển?

Câu 3: Nêu các nhân tố hình thành đất? Tại sao chất hữu cơ chiếm tỉ lệ nhỏ trong đất nhưng lại có ý nghĩa quan trọng đối với cây trồng?

----- HẾT -----

MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Hiểu được các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với đời sống con người và một số biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu.
- Hiểu được khái niệm Nghề nghiệp và nghề truyền thống.

2. Kỹ năng

- Nêu được một số ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với đời sống con người.
- Thực hiện được một số hành động cụ thể để hạn chế biến đổi khí hậu.
- Kể tên được một số nghề nghiệp.
- Nêu được một số nghề truyền thống ở địa phương.

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác, có trách nhiệm.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Chủ đề “Em với cộng đồng” và chủ đề “Khám phá thế giới nghề nghiệp”

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Nêu những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với đời sống con người.
2. Em cần làm gì để góp phần hạn chế biến đổi khí hậu?
3. Nêu một số nghề nghiệp mà em biết. Lớn lên em muốn làm nghề gì?
4. Kể tên một số nghề truyền thống ở Hà Nội. Nêu hiểu biết của em về nghề làm gốm Bát Tràng?

----- **HẾT** -----

MÔN GDTC**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

Nắm vững kiến thức về kỹ thuật chạy cự ly trung bình.

2. Kỹ năng:

Thực hiện kỹ thuật phát chạy cự ly trung bình.

3. Thái độ:

Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập, tính đoàn kết tập thể.

4. Phát triển năng lực:

HS phát huy được tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực vận động, tư duy động tác và biết vận dụng vào thực tế để tập luyện trên lớp cũng như ở nhà.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Nội dung ôn tập kỹ chạy cự ly trung bình từ tiết 57 đến tiết 68.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:**

- Phân tích các giai đoạn trong kỹ thuật chạy cự ly trung bình.

B. Bài tập:

- Thực hiện chạy cự ly trung bình.
 - + 300m đối với nữ.
 - + 500m đối với nam.

----- **HẾT** -----

MÔN TIN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra và đánh giá nắm kiến thức của học sinh về định dạng văn bản, trình bày thông tin dưới dạng bảng, tìm kiếm và thay thế, thuật toán.

2. Kỹ năng

- Kiểm tra đánh giá kỹ năng trình bày của học sinh, kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài tập, kỹ năng liên hệ thực tế.

3. Thái độ

- Có thái độ nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Bài 11: Định dạng văn bản
- Bài 12: Trình bày thông tin dưới dạng bảng
- Bài 13: Tìm kiếm và thay thế
- Bài 15: Thuật toán

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

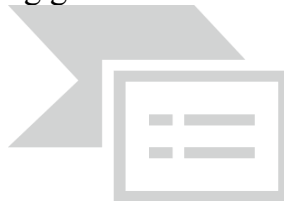
1. Trình bày các bước chọn hướng trang và in văn bản trong Word.
2. Trình bày 2 cách tạo bảng trong Word.
3. Trình bày các bước tìm kiếm và thay thế văn bản trong Word.
4. Thuật toán là gì? Em hãy liệt kê 2 cách để mô tả thuật toán.

B. Bài tập:

1. Xem lại các bài tập trắc nghiệm trong sách bài tập Tin 6 (từ bài 11 đến bài 15). Bài 1, 2, 3 (Trang 66/SGK)

2. Tham khảo thêm một số câu hỏi trắc nghiệm sau:

Câu 1: Nút lệnh dưới đây có chức năng gì?



- A. Điều chỉnh kích thước dòng, cột.
- B. Chèn thêm hàng, cột.
- C. Gộp tách ô, tách bảng.
- D. Căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô.

Câu 2. Ý nào sau đây chưa đúng?

- A. Merge Cells: Gộp nhiều ô thành một ô
- B. Delete Rows: Xoá hàng đã chọn
- C. Split Cells: Thêm ô
- D. Delete Columns: Xoá cột đã chọn

Câu 3. Nhóm lệnh này có chức năng gì?



- A. Xóa bớt hàng.
- B. Điều chỉnh kích thước ô.
- C. Chèn thêm hàng.
- D. Chèn thêm ô.

Câu 4. Một văn bản gồm có bao nhiêu lề?

- A. 3 lề
- B. 4 lề
- C. 5 lề
- D. 2 lề

Câu 5. Sử dụng lệnh Insert/Table rồi dùng chuột kéo thả để chọn số cột và số hàng thì số cột, số hàng tối đa có thể tạo được là

- A. 10 cột, 10 hàng.
- B. 8 cột, 10 hàng.
- C. 10 cột, 8 hàng.
- D. 8 cột, 8 hàng.

Câu 6. Khi sử dụng hộp thoại “Find and Replace”, nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

- A. Replace All
- B. Replace
- C. Find Next
- D. Cancel

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Mỗi bài toán chỉ duy nhất một thuật toán để giải
- B. Trình tự thực hiện các bước trong thuật toán không quan trọng
- C. Trong thuật toán, với dữ liệu đầu vào luôn xác định được kết quả đầu ra
- D. Một thuật toán có thể không có đầu vào và đầu ra

Câu 8. Bảng danh sách lớp 6A với cột Tên được trình bày theo thứ tự vẫn A, B, C.



Trong bảng danh sách lớp 6A, con trỏ soạn thảo đang được đặt trong ô chứa tên bạn Bình. Để thêm một dòng vào sau dòng này, em nhấn nút phải chuột chọn Insert và chọn tiếp lệnh nào?

- A. Insert Columns to the Right.
- B. Insert Rows Below.
- C. Insert Rows Above.
- D. Insert Columns to the Left.

Câu 9. Mục đích của sơ đồ khối là gì?

- A. Để mô tả chi tiết một chương trình
- B. Để mô tả các chỉ dẫn cho máy tính “hiểu” về thuật toán
- C. Để mô tả các chỉ dẫn cho con người “hiểu” về thuật toán
- D. Để chỉ dẫn cho máy tính thực hiện thuật toán

Câu 10. Bạn An viết một thuật toán mô tả việc đánh răng với các bước như sau:

1. Rửa sạch bàn chải
2. Súc miệng
3. Chải răng

4. Cho kem đánh răng vào bàn chải

Chọn ra phương án sắp xếp lại các bước đúng thứ tự thực hiện?

- A. 4-3-2-1
- B. 4-2-3-1
- C. 1-3-2-4
- D. 4-3-2-1

----- HẾT -----

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra, đánh giá mức độ tiếp thu các đơn vị kiến thức đã học của học sinh; học sinh biết được khả năng học tập của mình so với yêu cầu của chương trình (Nội dung về: Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào trong cuộc sống. Từ đó rút ra được bài học cho bản thân.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện được kỹ năng khi xem xét, đánh giá được các hành vi và chuẩn mực đạo đức pháp luật của bản thân, của người khác.

- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi đúng và chưa đúng về Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng tình, ủng hộ những hành vi thực hiện đúng Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm có thêm những kinh nghiệm cho bản thân và giúp đỡ cộng đồng; góp phần lan tỏa giá trị của việc thực hiện: Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

3. Thái độ:

- HS có thái độ học tập đúng và điều chỉnh quá trình học tập của mình.

- Trung thực: Thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, hoàn thành có chất lượng bài kiểm tra cuối kỳ để đạt kết quả cao.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, tích cực, chủ động để hoàn thành được nhiệm vụ học tập của bản thân.

- Chăm chỉ: Chăm chỉ học tập, rèn luyện, tích cực áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống. Tích cực ôn tập và củng cố kiến thức để đạt kết quả cao trong bài kiểm tra.

4. Phát triển năng lực:

- *Năng lực tự học và tự chủ*: Biết lập kế hoạch tự học tự tìm kiếm kiến thức trong sách vở, thông qua sách báo và các nguồn tư liệu khác nhau để hoàn thành kế hoạch học tập và đạt kết quả cao nhất trong bài kiểm tra.

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những kỹ năng cơ bản Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện các quyền Ứng phó tình huống nguy hiểm, Tiết kiệm, Công dân nước CHXHCN Việt Nam, Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

II. PHẠM VI ÔN TẬP:

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau:

- + Ứng phó tình huống nguy hiểm.
- + Tiết kiệm.
- + Công dân nước CHXHCN Việt Nam.
- + Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP:

A. Lý thuyết:

Nội dung các bài:

- + Ứng phó tình huống nguy hiểm.

- + Tiết kiệm.
- + Công dân nước CHXHCN Việt Nam.
- + Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Việc làm của bạn nào thể hiện chưa tiết kiệm?

- A. Bạn Hà lần nào cũng ăn hết sạch bát phở, không để thừa phần thức ăn nào cả.
- B. Từ đầu năm học, Hoàng đã lập thời gian biểu cho mình và nghiêm túc thực hiện hàng ngày.
- C. Nhân dịp sinh nhật, Hải được dì Hoa tặng cho một chiếc cặp sách rất đẹp, Hải đã mang ra dùng ngay và vứt bỏ chiếc cặp sách mẹ mới mua được 1 tháng.
- D. Sắp năm học mới, bố muốn mua cho Hùng một chiếc xe đạp mới nhưng Hùng đã từ chối vì chiếc xe đang đi vẫn còn dùng tốt.

Câu 2: Để tiết kiệm thời gian, vào những lúc rảnh rỗi em sẽ làm gì?

- A. Chơi rất nhiều thể loại game.
- B. Rửa bạn bè tụ tập nơi quán xá để ăn uống.
- C. Lên Facebook nói chuyện với mọi người.
- D. Học bài, đọc sách, giúp bố mẹ việc nhà.

Câu 3: Công dân là

- A. người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật qui định.
- B. người dân của một nước, được hưởng tất cả các quyền theo pháp luật qui định.
- C. người dân của một nước, phải làm tất cả các nghĩa vụ được pháp luật qui định.
- D. người dân của nhiều nước, có các quyền và nghĩa vụ được pháp luật qui định

Câu 4: Công dân là người dân của một nước, theo qui định của pháp luật

- A. được hưởng quyền và làm nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.
- B. phải có trách nhiệm với cộng đồng.
- C. phải có nghĩa vụ với cộng đồng.
- D. được hưởng tất cả quyền mình muốn.

Câu 5: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch

- A. nhiều nước.
- B. nước ngoài.
- C. quốc tế.
- D. Việt Nam.

Câu 6: Quốc tịch là

- A. căn cứ xác định công dân của một nước.
- B. căn cứ xác định công dân của nhiều nước.
- C. căn cứ xác định công dân của nước ngoài.
- D. căn cứ để xác định công dân đóng thuế.

Câu 7: Quốc tịch là căn cứ xác định công dân của một nước, thể hiện mối quan hệ giữa

- A. Nhà nước và công dân nước đó.
- B. công dân và công dân nước đó.
- C. tập thể và công dân nước đó.
- D. công dân với cộng đồng nước đó.

Câu 8: Công dân là người dân của một nước, có các quyền và nghĩa vụ theo

- A. tập tục qui định.
- B. pháp luật qui định.
- C. chuẩn mực của đạo đức.
- D. phong tục tập quán.

Câu 9: Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. tất cả những người có quốc tịch Việt Nam.

- B.** tất cả những người Việt dù sinh sống ở quốc gia nào.
C. tất cả những người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.
D. tất cả những người có quyền và nghĩa vụ do Nhà nước Việt Nam qui định.

Câu 10: Công dân mang quốc tịch Việt Nam là

- A.** người nước ngoài đã nhập quốc tịch Việt Nam.
B. người không quốc tịch, sống và làm việc ở Việt Nam.
C. người nước ngoài sống và làm việc trên lãnh thổ Việt Nam.
D. chuyên gia người nước ngoài làm việc lâu năm tại thổ Việt Nam.
Câu 11: Trường hợp nào dưới đây là công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?
A. Bố mẹ H là người Nga đến Việt Nam làm ăn sinh sống.
B. Trẻ sơ sinh bị bỏ rơi ở Việt Nam mà không rõ cha mẹ là ai.
C. Ông X là chuyên gia nước ngoài làm việc lâu năm tại Việt Nam.
D. Con của bà Z có quốc tịch Mỹ sống ở Việt Nam, bố chưa rõ là ai.

Câu 12: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?

- A.** Công dân là những người sống trên một đất nước.
B. Công dân là những người sống trên một đất nước có cùng màu da và tiếng nói.
C. Công dân là những người mang quốc tịch của quốc gia, có các quyền và nghĩa vụ do pháp luật qui định.
D. Công dân là những người được hưởng quyền và làm tất cả các nghĩa vụ do pháp luật qui định.

II. Bài tập tự luận:

Câu 1: Thế nào là tiết kiệm?

Câu 2: Hãy kể những việc e đã làm được và chưa làm được về tiết kiệm điện?

Câu 3: Hãy kể những việc e đã làm được và chưa làm được về tiết kiệm tiền?

Câu 4: Hãy kể những việc e đã làm được và chưa làm được về tiết kiệm thời gian?

Câu 5: Vào buổi sáng sớm hai vợ chồng bà A đi tập thể dục. Đi được một đoạn thì thấy tiếng trẻ khóc. Hai vợ chồng bà A nghĩ đây là đứa trẻ nhà hàng xóm, nên đi tiếp, nhưng càng lại gần cái lán phía trước thì tiếng trẻ khóc to hơn, bà nhìn vào thì thấy một đứa trẻ sơ sinh bị bỏ rơi. Thương đứa bé không ai chăm sóc nên hai vợ chồng bà A đã bế về nhà, làm các thủ tục nhận bé làm con nuôi hợp pháp. Trong trường hợp này, em bé là người mang quốc tịch nào?

Câu 6: Mẹ L là người không có quốc tịch, còn cha không rõ là ai. L sinh ra ở Việt Nam. L và mẹ thường trú ở Việt Nam. Trong trường hợp này, theo em L mang quốc tịch nước nào?

----- **HẾT** -----

MÔN NGHỆ THUẬT – ÂM NHẠC**I. Mục tiêu cần đạt****1. Kiến thức:**

- Ôn tập toàn bộ các nội dung Hát và Tập đọc nhạc đã học trong học kì II

2. Kỹ năng:

- Hát đúng lời ca, giai điệu, tiết tấu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm.
- Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp.

3. Thái độ:

- HS có ý thức, nghiêm túc học tập đối với các phân môn của môn học.

4. Phát triển năng lực:

- Hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

II. Hình thức ôn tập:

- Thực hiện ôn tập theo PPCT đối với từng phần môn.
- Học sinh tự ôn tập tại nhà.

III. Nội dung ôn tập:**1. Nội dung Hát:**

- Mùa xuân em tới trường
- Lá thuyền ước mơ
- Ước mơ xanh
- Đi cấy lúa

2. Tập đọc nhạc: TĐN số 5-6-7-8

----- HẾT -----

MÔN NGHỆ THUẬT – MỸ THUẬT**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức:**

- Biết cách tạo và trang trí 1 sản phẩm

2. Kỹ năng

- Tạo và trang trí được sản phẩm đúng nội dung bài học đã cho.

3. Thái độ

- Học sinh thêm yêu quý những đồ vật, ... và biết vận dụng những kiến thức trang trí vào cuộc sống.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

Ôn tập tại lớp, tại nhà.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

- Túi đựng quà tặng
- Sản phẩm đã qua sử dụng
- Mô hình ngôi nhà 3D
- Mô phỏng họa tiết trống đồng
- Trang trí thảm với họa tiết trống đồng...

----- **HẾT** -----

MÔN CÔNG NGHỆ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Lựa chọn được trang phục phù hợp, sử dụng, bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.
- Nhận biết phân loại được một số loại bóng đèn. Mô tả được cấu tạo, chức năng từng bộ phận của bóng đèn. Đọc được các thông số kỹ thuật trên bóng đèn.
- Mô tả được nguyên lí làm việc của một số loại bóng đèn
- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của nồi cơm điện. Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của nồi cơm điện.
- Lựa chọn và sử dụng được các loại nồi cơm điện đúng cách, tiết kiệm, an toàn.
- Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính của bếp hồng ngoại.
- Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lí làm việc của bếp hồng ngoại.
- Lựa chọn và sử dụng được các loại bếp hồng ngoại đúng cách, tiết kiệm, an toàn.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng các kiến thức vào thực tế, giải thích các nội dung liên quan.

3. Thái độ

- HS có thái độ chăm chỉ, nghiêm túc trong ôn tập.

4. Phát triển năng lực

- Phát triển năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chương III: Trang phục và thời trang
- Chương IV: Đồ dùng điện trong gia đình

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. Lý thuyết:

- Ôn lại kiến thức đã học các bài 8, 9, 10, 11, 12, 13 SGK Công nghệ 6.

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:

I. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Hình ảnh hình bên mô tả loại đèn nào?

- A. Đèn sợi đốt
- B. Đèn huỳnh quang
- C. Đèn compact
- D. Đèn LED

Câu 2. Đèn sợi đốt gồm các bộ phận chính nào?

- A. Ống thủy tinh, hai điện cực
- B. Bóng thủy tinh, sợi đốt, đuôi đèn
- C. Vỏ bóng, bảng mạch, đuôi đèn
- D. Vỏ bóng, sợi đốt, hai điện cực

Câu 3. Loại đèn điện nào sau đây tiết kiệm điện năng nhất?

- A. Đèn sợi đốt
- B. Đèn huỳnh quang
- C. Đèn compact
- D. Đèn LED

Câu 4. Cấu tạo nồi cơm điện có mấy bộ phận chính?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6



Câu 5. Nhà Hoa có 4 người: bố, mẹ, Hoa đang học lớp 6 và em gái đang học lớp 3. Hôm nay Chủ nhật, cả nhà đi siêu thị mua sắm và muốn mua một nồi cơm điện mới thay cho chiếc nồi cũ. Gia đình Hoa nên lựa chọn loại nào dưới đây?

- A. 220V - 700W - 1,8 lít
- B. 220V - 1 350W - 3,8 lít
- C. 220V - 400W - 1 lít
- D. 220V - 1 550W - 6,3 lít

Câu 6. Hình ảnh dưới đây mô tả nguyên lí hoạt động của đồ dùng điện nào?

- A. Bếp hồng ngoại
- B. Đèn LED
- C. Nồi cơm điện
- D. Bếp từ



Câu 7. Em dùng nồi nào sau đây để nấu với hồng ngoại?

- A. Nồi đất
- B. Nồi nhôm
- C. Nồi thép không gỉ (inox)
- D. Tất cả đáp án trên

Câu 8. Quạt treo tường có thông số: 220V – 46W. Hãy cho biết điện áp định mức của quạt đó là bao nhiêu?

- A. 220V
- B. 46V
- C. 46W
- D. 220W

Câu 9. Hãy cho biết, phong cách thời trang nào có nét đặc trưng của trang phục dân tộc về hoa văn, chất liệu, kiểu dáng?

- A. Phong cách cổ điển
- B. Phong cách thể thao
- C. Phong cách dân gian
- D. Phong cách lãng mạn

Câu 10. Để là quần áo, chúng ta cần chuẩn bị dụng cụ nào sau đây?


- A. Bàn là
- B. Cần là
- C. Bình phun nước
- D. Cả 3 đáp án trên

II. Bài tập tự luận:


Câu 1. Nêu cấu tạo, nguyên lý làm việc các loại đèn điện em đã học? Trình bày thêm 3 đồ dùng điện khác đèn điện và nêu công dụng của chúng.

Câu 2. Trình bày cấu tạo chính và mô tả nguyên lý hoạt động của nồi cơm điện, bếp hồng ngoại?


Câu 3. Gia đình bạn Nam có ba người: bố, mẹ và Nam. Em hãy giúp bạn Nam lựa chọn một chiếc nồi cơm điện phù hợp nhất với gia đình bạn trong ba loại nồi có các thông số dưới đây. Giải thích tại sao?



Nồi Cơm Điện
 Model: MB-PS1617
 Công suất: 400 W
 Điện áp: 220 V - 50 Hz
 Dung tích: 0,6 L
 HOUSEHOLD USE ONLY
 Sản xuất tại:



Nồi Cơm Điện
 Model: RC-18DR2PV
 Công suất: 780 W
 Điện áp: 220 V - 50 Hz
 Dung tích: 1,8 L
 HOUSEHOLD USE ONLY



Nồi Cơm Điện
 Model: RCB-5568
 Công suất: 780 W
 Điện áp: 220 V - 50 Hz
 Dung tích: 1,8 L
 HOUSEHOLD USE ONLY
 Sản xuất tại:

a) b)

c)

----- HẾT -----

MÔN NGOẠI NGỮ 2 - TIẾNG NHẬT (6A2)

I. PHẠM VI ÔN TẬP

Toàn bộ kiến thức từ bài 7 đến bài 10.

II. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Tóm tắt kiến thức:****BÀI 7**

1. ~ thích ~

(+) S は N が すきです。

2. ~ KHÔNG thích

(-) S は N が すきではありません。

BÀI 8

1. ~ thích ~ không?

(?) S は N が すきですか。

はい、N が すきです。

いいえ、N が すきではありません。

2. ~ thích cái gì?

(?) Q: S は なにが すきですか。

A: N が すきです。

BÀI 9

1. Câu khẳng định:

(+) S は N です。

(N: tên, quốc tịch, nghề, tuổi...) 2.

Câu phủ định:

(-) S は N ではありません。

3. Câu nghi vấn:

(?) Q: S は N ですか。

A: はい、N です。

いいえ、N ではありません。

BÀI 10

1. Cách đếm số tuổi: Số đếm + さい

(?) A: なんさいですか。

B: ~さいです。

2. Cách đếm số người: Số đếm + にん

(?) A: なんにんですか。

B: ~にんです。

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:**Bài 1: Em hãy ghi cách đọc của các chữ Hán hoặc ngược lại**

	Chữ Hán	Cách đọc		Cách đọc	Chữ Hán
1.	一		5.	ご	
2.	七にん		6.	はち	

3.	四		7.	さん	
4.	二り		8.	じゅう	

Bài 2: Nhìn tranh và chọn từ tương ứng:

1. Cảnh sát

A. ぐんじん

B. こうこう

C. けいさつかん

2. Bác sĩ

A. いしゃ

B. いしゅ

C. かしゅ

3. Nhân viên công ty

A. こうむいん

B. かいしゃいん

C. エンジニア

4. Học sinh cấp hai

A. せんせい

B. ちゅうがくせい

C. ちゅうがっこう

5. Hướng dẫn viên

A. ガイド

B. がいど

C. せいと

6. Món ăn Việt Nam

A. ベトナム

B. にほん

C. ベトナムりょうり

Bài 3: Hãy chọn từ đúng với cách đọc romaji sau:

1. keeki

A. クーキ

B. ケキ

C. ターキ

D. ケーキ

2. banana

A. ハナナ

B. バメメ

C. バナナ

D. ハメメ

3. koora

A. コッラ

B. コース

C. コーラ

D. コッス

4. painappuru

A. パイナップル

B. ハイナップル

C. バイナップル

D. パイナツプル

5. aisukuriimu

A. アイスクリム

B. マイスクリム

C. アイヌクリーム

D. アイスクリーム

6. koohii

A. ユーヒー

B. コーヒ

C. ユーヒ

D. コーヒー

7. pan

A. バン

B. パン

C. ハソ

D. ハン

8. sarada

A. シャサダ

B. シャラダ

C. サラダ

D. サザダ

9. dorian

- A. ドリアン B. ドリーアン C. トーリアン D. ドリマン

10. yooguruto

- A. ヨッグルト B. ヨーグルト C. ヨッグレト D. ヨーグレト

11. papaiya

- A. ババヤ B. パパヤ C. ハハイヤ D. パパイヤ

12. mango

- A. マンゴ B. マンゴー C. アンゴ D. アンゴー

13. chokoreeto

- A. チョコレト B. トコレート C. チョコレート D. トコレト

14. kokonattsu

- A. ココナツツ B. ユコナツツ C. ココナツツ D. コーコナツ

15. mangosuchin

- A. マンゴースチ B. マンゴスチン C. マンゴースチン D. マンゴヌチン

Bài 4: Hãy điền trợ từ thích hợp vào chỗ trống:

1. マイさん () フォー () すきです。
2. けんさんは ミルク () すきですか。
3. ホアさん () ブンチャーが すきではありません。
4. わたし () ちゅうがくせいです。
5. ビン: リンさんは ねこ () すきですか。
リン: いいえ、すきではありません。ビンさん () ねこが すきですか。
ビン: いいえ、わたし () ねこが すきではありません。
6. ナムさんは なに () すきですか。
7. フォー () すきです。
8. おかあさん () エンジニアです。おとうさん () エンジニアです。
9. A: Bさん () ぐんじんです () 。
B: いいえ、ぐんじんではありません。
10. M: わたし () ガイドです。
N: そうですか。わたし () ガイドです。

Bài 5: Sắp xếp các câu sau thành câu hoàn chỉnh:

1. ランさん / です。 / は / せんせい
.....
2. は / わたし / は な / すき / が / ではありません。
.....
3. こうこうせい / おねえさん / ですか。 / は
.....

4. こうこうせい／いいえ、／ではありません。

5. ベトナムじん／は／ではありません。／ゆりさん

Bài 6: Chọn từ thích hợp ở trong khung và điền vào chỗ trống

(1)

A: おかあさんは _____ ですか。

B: 38 _____ です。

(2)

A: クラスは _____ ですか。

B: 30 _____ です。

A: _____ ベトナムじん ですか。

B: はい。

なんにん	さい	にん
みんな	なんさい	

----- HẾT -----

MÔN NGOẠI NGỮ 2 - TIẾNG ĐỨC (6A1 & 6A8)**I. MỤC TIÊU****1. Về kiến thức**

- Học sinh có thể kể tên được các đồ dùng học tập, môn học ở trường, một số loài động vật, màu sắc.
- Học sinh có thể phân biệt được giống của các danh từ và số nhiều.
- Học sinh có thể đếm số từ 1 đến 100.

2. Kỹ năng

- Nói/Viết: Học sinh có thể giới thiệu bản thân và bạn cùng lớp; biết cách hỏi người khác và trả lời về tình trạng sức khỏe của mình.
- Nghe/Đọc: Học sinh có thể nghe/ đọc số điện thoại trong hội thoại, hiểu các thông tin về đồ dùng học tập, môn học, động vật được nhắc đến trong văn bản.

3. Thái độ

- Học sinh hình thành tính cách biết quan tâm tới người khác (tình trạng sức khỏe, sở thích ...).

4. Phát triển năng lực

- Học sinh có thể tự tin giao tiếp, phỏng vấn/trả lời phỏng vấn về chủ đề “Đồ dùng học tập”, “Môn học”, “Động vật”.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Bài 2: Meine Klasse/Lớp học của em (SGK trang 13 – 20)
- Bài 3: Tiere/Động vật (SGK trang 21 – 25)

III. NỘI DUNG ÔN TẬP**A. Lý thuyết:**

- Từ vựng: Tên các đồ dùng học tập, môn học, từ vựng liên quan đến trường lớp, tên loài vật, màu sắc

Ví dụ: *der Radiergummi, das Arbeitsbuch, die Lehrerin, die Schule, die Schulfreunde, Chemie, Biologie, Mathematik, der Hund, die Maus, schwarz, blau ...*

- Ngữ pháp:

- + Cách chia các động từ đã học

Ví dụ: *heißen, kommen, sein, mögen, lernen, spielen ...*

- + Các câu hỏi *W-Fragen* và cách trả lời

Ví dụ: *Wie heißen Sie?*

Ich heiße Felix.

Woher kommt er?

Er kommt aus Frankreich.

B. Bài tập: Tham khảo một số bài tập sau:**Bài tập trắc nghiệm:***Was ist richtig? Kreuze an. (Đánh dấu X vào phương án đúng).***1. Das ist ein _____.**

A. Radiergummi



B. Zirkel

C. Heft

D. Kleber

2. Ich habe ein _____.

A. Taschenrechner



B. Wörterbuch

C. Zettel

D. Schwamm

3. Hast du einen Bleistift?

A. Sehr gut, danke.

B. Ja, hier bitte.

C. Der Bleistift ist blau.

D. Auf Wiedersehen.

4. Was ist dein Lieblingsschulfach? – Mein Lieblingsschulfach ist _____.

A. Schule

B. Schmetterling

C. Geschichte

D. Hamster

5. Anna _____ Englisch und Biologie.

A. mögen

B. magst

C. mögt

D. mag

6. Elias und Julia _____ Literatur und Englisch.

A. hassen

B. hasst

C. hasse

D. hasset

7. Was ist dein Lieblingsfach?

A. Hausaufgaben.

B. Mathematik.

C. Hund.

D. Deutschland.

8. Herr Becker kommt _____.

A. in Deutschland

B. Deutschland

C. Deutsch

D. aus Deutschland

9. Magst du Sport?

A. Nicht so gut, danke.

B. Ich habe keinen Sport

C. Ja, hier.

D. Nein, ich hasse Sport.

10. Wie geht es Ihnen?

A. Ja, ich komme aus den USA.

C. Gut, danke.

B. Er ist schwarz.

D. Nein, ich mag nicht.

Bài tập tự luận:

1. Stell deinen Freund/ deine Freundin vor. (Name, Klasse, Hobbys ...)

2. Beschreib dein Haustier/ Lieblingstier. (Name, Alter, Farbe ...)

----- **HẾT** -----

Ngày 15 tháng 4 năm 2022

BGH duyệt

Phạm Thị Hải Vân